

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“**Công ty**”) mã CK: HAG giải trình báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam như sau:

I. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 so với báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 đã được kiểm toán.

ĐVT: *Ngàn VND*

Khoản mục	Kết quả kinh doanh tại BCTC tổng hợp năm 2018 đã kiểm toán	Kết quả kinh doanh tại BCTC tổng hợp năm 2017 đã kiểm toán	Chênh lệch
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(108.070.025)	(475.051.993)	366.981.968

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Doanh thu tài chính tăng 267.769.025 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận cổ tức từ công ty con.
- Chi phí tài chính giảm 200.317.249 ngàn VND, nguyên nhân do trong năm 2017 Công ty có ghi nhận dự phòng đầu tư vào công ty con, khoản chi phí này giảm trong năm 2018.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng 125.438.575 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do Công ty trích trước dự phòng một số khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thu nhập khác tăng 20.519.017 ngàn VND, nguyên nhân do năm 2018 Công ty có phát sinh thu nhập do thanh lý tài sản.

II. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính tổng hợp quý IV/2018 và báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 được kiểm toán.

ĐVT: *Ngàn VND*

Khoản mục	Kết quả kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại BCTC tổng hợp Quý IV/2018	Kết quả kinh doanh tại BCTC tổng hợp năm 2018 đã kiểm toán	Chênh lệch
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(101.652.114)	(108.070.025)	6.417.911

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu là do bổ sung bút toán ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 5.817.990 ngàn VND.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: contact@hagl.com.vn



III. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc đánh giá khả năng thu hồi của tổng các khoản phải thu từ các bên liên quan với số tiền 2.176.011.448 ngàn VND. Nguyên nhân chủ yếu là do các bên liên quan này đang vận hành nhiều dự án kinh doanh khá đa dạng như bất động sản, trồng trọt, chăn nuôi với khối tài sản đa dạng, trong đó nhiều dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên chưa tạo ra lợi nhuận và dòng tiền thặng dư, rất khó khăn cho việc xác định giá trị tài sản và dòng tiền trả nợ cho Tập đoàn. Chúng tôi tin rằng khi các dự án kinh doanh của các bên liên quan này đi vào vận hành thương mại và có lợi nhuận thì việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu sẽ trở nên dễ dàng hơn và kiểm toán viên sẽ có đủ thông tin để đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

IV. Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, dựa trên yếu tố phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 108.070.025 ngàn VND, và cũng tại ngày này, Công ty gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 22.479.240 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 173.459.190 ngàn VND và đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu. Công ty xin được giải trình vấn đề này như sau:

- Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải ("THACO") đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty để đầu tư vào mảng nông nghiệp và bất động sản. Theo đó, Thaco cam kết sẽ thu xếp cơ cấu lại các khoản nợ vay (khoảng 14.000 tỷ đồng); huy động vốn đầu tư vào việc chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có; phát triển và mở rộng diện tích trồng cây ăn trái (dự kiến trong hai năm 2019 và 2020 sẽ tăng diện tích trồng cây ăn trái lên 30.000 ha với các loại cây như chuối, thanh long, bưởi da xanh,...); đầu tư trồng 5.000 ha cây được liệu phục vụ chiết xuất và chế biến nguyên liệu cung ứng cho các công ty dược liệu, sản xuất các loại thực phẩm chức năng và thức uống; và tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của dự án Myanmar.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang bàn bạc với các ngân hàng có liên quan để điều chỉnh các khoản ràng buộc trong các hợp đồng tín dụng không còn phù hợp với thời điểm hiện tại.

Vì những lý do nêu trên, chúng tôi tin rằng Công ty sẽ vượt qua được khó khăn và chúng tôi tiếp tục lập BCTC trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các lĩnh vực khác của Công ty không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 64

11/11/2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

11 / 1 / 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 60752790/20263458/FN-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 94 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 28.3 của báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú với tổng giá trị là 7.203.785.884 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.659.211.206 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.176.011.448 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 358.912.957 ngàn VND) bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 108.070.025 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, và cũng vào ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 22.479.240 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 173.459.190 ngàn VND. Ngoài ra, vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc xác định khả năng thu hồi của một số khoản phải thu và có đoạn nhấn mạnh về giả định hoạt động liên tục của Tập đoàn. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.251.095.303	5.288.884.188
110	I. Tiền		212.718.119	13.297.086
111	1. Tiền	4	212.718.119	13.297.086
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.968.015.884	5.160.712.956
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	148.062.928	250.622.228
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	53.223.639	49.349.094
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.685.257.537	3.382.257.494
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.092.715.724	1.485.378.178
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.243.944)	(6.894.038)
140	III. Hàng tồn kho	9	60.697.932	106.757.513
141	1. Hàng tồn kho		60.972.250	115.012.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.318)	(8.254.630)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.663.368	8.116.633
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		301.304	551.908
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.295.828	7.545.300
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		4.066.236	19.425
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.810.496.598	21.976.856.200
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.776.517.466	11.530.988.766
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.180.412.985	10.256.783.507
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	596.104.481	1.274.205.259
220	II. Tài sản cố định		212.651.784	253.492.301
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	183.522.505	222.907.067
222	Nguyên giá		301.198.226	337.255.566
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(117.675.721)	(114.348.499)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	29.129.279	30.585.234
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.320.873)	(9.864.918)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	37.104.803	38.344.237
231	1. Nguyên giá		42.073.202	42.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.968.399)	(3.728.965)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.583.389	9.583.389
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.583.389	9.583.389
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	12.763.110.626	10.130.729.229
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.312.155.846	10.714.783.853
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.258.537.647	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(814.942.908)	(596.414.665)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.528.530	13.718.278
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.068.748	13.718.278
262	2. Tài sản thuế hoãn lại		459.782	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.061.591.901	27.265.740.388

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.266.324.224	14.361.475.686
310	I. Nợ ngắn hạn		3.424.554.493	3.018.884.761
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	34.626.192	107.875.868
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	3.933.938	426.361.574
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.659.623	61.262.589
314	4. Phải trả người lao động		8.312.678	9.628.044
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	553.114.180	145.805.941
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		228.667	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.002.721.830	1.928.010.284
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.817.853.875	339.381.873
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	558.588
330	II. Nợ dài hạn		10.841.769.731	11.342.590.925
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.374.149.901	948.576.222
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	570.075.796	-
338	3. Vay dài hạn	20	8.891.914.013	10.381.774.860
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	-	6.596.322
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.630.021	5.643.521
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.795.267.677	12.904.264.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.795.267.677	12.904.264.702
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22.479.240)	86.517.785
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		85.590.785	561.569.778
421b	- Lỗ năm nay		(108.070.025)	(475.051.993)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.061.591.901	27.265.740.388



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	150.747.273	223.540.379
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(122.765.299)	(191.205.673)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.981.974	32.334.706
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.393.240.909	1.125.471.884
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(1.329.038.372) (1.077.816.296)	(1.529.355.621) (1.010.887.348)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(5.557.393)	(4.695.357)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(213.379.470)	(88.802.931)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(126.752.352)	(465.047.319)
31	9. Thu nhập khác	26	25.692.529	2.826.081
32	10. Chi phí khác	26	(9.999.364)	(7.651.933)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		15.693.165	(4.825.852)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(111.059.187)	(469.873.171)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(4.066.942)	(912.141)
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27	7.056.104	(4.266.681)
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(108.070.025)	(475.051.993)



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(111.059.187)	(469.873.171)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10, 11, 12	19.232.945	20.245.315
03	Các khoản dự phòng		214.897.837	511.395.775
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		21.190.788	1.697.211
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.370.044.503)	(1.108.075.279)
06	Chi phí lãi vay	24	1.077.816.296	1.010.887.348
	Thu nhập khác		-	(14.418.900)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(147.965.824)	(48.141.701)
09	Giảm các khoản phải thu		527.802.497	1.086.384.985
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		54.039.893	(5.852.298)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.382.409.990)	(1.254.076.140)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.900.134	(562.924)
14	Tiền lãi vay đã trả		(336.677.729)	(271.324.396)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(49.839.924)	(3.055.370)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.423.684)	(3.667.035)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.333.574.627)	(500.294.879)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(309.545)	(14.140.680)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		-	10.191.229
23	Tiền chi cho vay		(4.534.472.229)	(6.983.633.153)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.674.851.401	5.392.388.267
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(376.313.640)	(2.550.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.550.000	1.665.782
27	Tiền thu lãi cho vay		1.145.906.722	958.505.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		912.212.709	(637.573.473)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		925.824.600	1.782.561.369
34	Tiền trả nợ gốc vay		(305.041.649)	(923.127.374)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		620.782.951	859.433.995
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		199.421.033	(278.434.357)
60	Tiền đầu năm	4	13.297.086	291.731.443
70	Tiền cuối năm	4	212.718.119	13.297.086



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 285 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 527).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)
Lĩnh vực thủy điện			
(1) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(2) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viêng Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(3) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	99,00
Lĩnh vực nông nghiệp			
(5) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(6) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(7) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,09
(8) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	61,09
(9) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	62,20



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	62,49
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(12) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(13) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(15) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,87
(16) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,40
(17) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	63,40
(18) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,43
(19) Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	62,43
(20) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(21) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	62,49
(22) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	62,49
(23) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(24) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	62,49
(25) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,44
(26) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(27) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)</i>
Lĩnh vực khai khoáng			
(28) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(31) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(32) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(33) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(35) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
Dịch vụ tư vấn			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	47,89

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 108.070.025 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 22.479.240 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 173.459.190 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã lập dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ việc tái cơ cấu các khoản đầu tư và các dự án đang triển khai mà theo đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Dựa trên cơ sở này, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong năm, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cho thuê tài sản dài hạn

Công ty thay đổi chính sách kế toán từ việc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn đã được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê trong các năm trước sang việc ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Công ty phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.214.202	6.842.458
Tiền gửi ngân hàng	211.503.917	6.454.628
TỔNG CỘNG	212.718.119	13.297.086

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định và tài sản đầu tư	60.258.805	-
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.677.813	99.290.420
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	34.415.390	145.140.765
Phải thu tiền bán căn hộ	5.710.920	6.191.043
TỔNG CỘNG	148.062.928	250.622.228
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh "TM" số 28.2)</i>	<i>138.649.839</i>	<i>169.292.304</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>9.413.089</i>	<i>81.329.924</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	53.223.639	49.349.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước bên liên quan (TM số 28.2)</i>	49.703.805	695.883
<i>Trả trước các bên khác</i>	3.519.834	48.653.211

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	1.667.079.652	3.289.261.972
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	18.177.885	92.995.522
	<u>1.685.257.537</u>	<u>3.382.257.494</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 28.2) (i)	10.122.511.765	10.078.384.939
Cho vay dài hạn các công ty (ii)	42.880.908	8.809.503
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	15.020.312	169.589.065
	<u>10.180.412.985</u>	<u>10.256.783.507</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.865.670.522</u>	<u>13.639.041.001</u>

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả đến tháng 12 năm 2023 và hưởng lãi suất trung bình dao động từ 6,00% đến 12,50%/năm.
- (ii) Khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả đến tháng 5 năm 2020 và hưởng lãi suất trung bình dao động từ 9,75% đến 14,00%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác mà Công ty và các công ty con phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Năm nay	Năm trước
Nợ gốc đầu năm(USD)	7.482.421	7.482.421
Giảm trong năm (USD)	(6.833.595)	-
Nợ gốc cuối năm (USD)	<u>648.826</u>	<u>7.482.421</u>
Nợ gốc (Ngàn VND)	<u>15.020.312</u>	<u>169.589.065</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	485.507.818	47.889.057
Phải thu lãi cho vay	327.125.093	1.398.953.738
Cổ tức được chia	242.001.200	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.626.658	11.087.640
Phải thu khác	34.454.955	27.447.743
	<u>1.092.715.724</u>	<u>1.485.378.178</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	1.082.052.198	1.445.166.764
<i>Phải thu các bên khác</i>	10.663.526	40.211.414
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	530.650.354	589.983.768
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	-	514.788.889
Phải thu khác	65.454.127	169.432.602
	<u>596.104.481</u>	<u>1.274.205.259</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	594.554.350	1.268.487.215
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.550.131	5.718.044
TỔNG CỘNG	<u>1.688.820.205</u>	<u>2.759.583.437</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	32.002.629	50.826.541
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.519.569	24.342.082
Hàng hóa	7.279.617	10.104.115
Nguyên vật liệu	2.016.559	20.405.728
Công cụ, dụng cụ	95.315	1.526.833
Thành phẩm	58.561	2.249.330
Hàng đang đi đường	-	5.557.514
	<u>60.972.250</u>	<u>115.012.143</u>
TỔNG CỘNG		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.318)	(8.254.630)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>60.697.932</u>	<u>106.757.513</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	248.348.217	41.217.384	37.874.101	3.018.364	6.689.440	108.060	337.255.566
Tăng trong năm	2.321.276	9.543.599	1.179.490	-	-	-	13.044.365
Thanh lý trong năm	(23.522.343)	(22.057.524)	(3.521.838)	-	-	-	(49.101.705)
Số cuối năm	227.147.150	28.703.459	35.531.753	3.018.364	6.689.440	108.060	301.198.226
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(58.062.315)	(24.120.372)	(22.867.556)	(2.550.282)	(6.689.440)	(58.534)	(114.348.499)
Khấu hao trong năm	(8.355.858)	(4.369.901)	(3.556.199)	(237.589)	-	(18.009)	(16.537.556)
Thanh lý trong năm	4.147.974	8.095.434	966.926	-	-	-	13.210.334
Số cuối năm	(62.270.199)	(20.394.839)	(25.456.829)	(2.787.871)	(6.689.440)	(76.543)	(117.675.721)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	190.285.902	17.097.012	15.006.545	468.082	-	49.526	222.907.067
Số cuối năm	164.876.951	8.308.620	10.074.924	230.493	-	31.517	183.522.505

Trong đó:

Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho
các khoản vay của Công ty và
công ty con

Giá trị nguyên giá của tài sản đã
khấu hao hết

164.876.949	8.308.620	5.331.477	-	-	-	-	178.517.046
112.993	2.051.311	6.308.951	1.013.285	6.689.440	-	-	16.175.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>25.278.179</u>	<u>15.171.973</u>	<u>40.450.152</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(9.864.918)	(9.864.918)
Hao mòn trong năm	-	(1.455.955)	(1.455.955)
Số cuối năm	-	(11.320.873)	(11.320.873)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>25.278.179</u>	<u>5.307.055</u>	<u>30.585.234</u>
Số cuối năm	<u>25.278.179</u>	<u>3.851.100</u>	<u>29.129.279</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>27.072.022</u>	<u>15.001.180</u>	<u>42.073.202</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.478.788)	(2.250.177)	(3.728.965)
Hao mòn trong năm	(739.395)	(500.039)	(1.239.434)
Số cuối năm	(2.218.183)	(2.750.216)	(4.968.399)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>25.593.234</u>	<u>12.751.003</u>	<u>38.344.237</u>
Số cuối năm	<u>24.853.839</u>	<u>12.250.964</u>	<u>37.104.803</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con</i>	24.853.839	12.250.964	37.104.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	6.549.508	5.573.569
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.239.432	1.239.432

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con	10.312.155.846	10.714.783.853
Đầu tư vào công ty liên kết	3.258.537.647	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	13.578.053.534	10.727.143.894
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(814.942.908)	(596.414.665)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.763.110.626	10.130.729.229

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
13.1 Đầu tư vào công ty con:					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	64,81	5.100.120.481	-	4.723.806.841
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	99,40	2.532.179.575	(729.012.108)	2.532.179.575 (510.483.865)
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai ("HTL")	Chăn nuôi và trồng trọt	98,00	2.477.146.000	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Cầu lạc bộ bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	59.000.000 (59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	(26.930.800)	26.930.800 (26.930.800)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane ("HAGL Vientiane")	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	17.778.990
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") (*)	Bất động sản	-	-	-	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Thương mại	-	-	-	2.550.000
TỔNG CỘNG			10.312.155.846 (814.942.908)		10.714.783.853 (596.414.665)

(*) Vào ngày 12 tháng 9 năm 2018, HAN đã phát hành thêm 125.000.000 cổ phiếu cho bên thứ ba theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHCD18 ngày 28 tháng 8 năm 2018. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HAN giảm từ 68,90% xuống 47,89% và Công ty đã hạch toán giá trị đầu tư vào HAN là 3.253.537.647 ngàn VND sang khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết" (TM số 13.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
13.2 Đầu tư vào công ty liên kết:					
HAN (TM số 13.1)	Bất động sản	47,89	3.253.537.647	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG			3.258.537.647		5.000.000
13.3 Đầu tư vào các công ty khác:					
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041
14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN					
			Số cuối năm		Số đầu năm
			Số cuối năm		Số đầu năm
			Số cuối năm		Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước			9.151.939	9.423.363	
Công cụ, dụng cụ			909.734	3.373.251	
Chi phí trả trước dài hạn khác			1.007.075	921.664	
TỔNG CỘNG			11.068.748	13.718.278	
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN					
			Số cuối năm		Số đầu năm
			Số cuối năm		Số đầu năm
			Số cuối năm		Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ			34.626.192	107.875.868	
<i>Trong đó:</i>					
Công ty TNHH Đầu tư & Sản xuất Vạn Lợi			4.032.948	4.173.658	
Công ty TNHH Thương mại Minh Đức			3.883.732	3.883.732	
Các bên khác			26.709.512	99.818.478	
TỔNG CỘNG			34.626.192	107.875.868	
<i>Trong đó:</i>					
Phải trả các bên khác			34.150.134	69.645.254	
Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)			476.058	38.230.614	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	1.755.189	1.839.311
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	1.483.290	226.383.354
Khách hàng thương mại trả tiền trước	695.459	198.138.909
TỔNG CỘNG	3.933.938	426.361.574
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>2.105.950</i>	<i>423.568.992</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>1.827.988</i>	<i>2.792.582</i>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.838.212	4.066.942	(49.839.924)	65.230
Thuế thu nhập cá nhân	2.245.372	4.410.748	(3.311.323)	3.344.797
Thuế giá trị gia tăng	1.187.318	5.006.385	(5.944.107)	249.596
Thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	11.991.687	6.995.466	(18.987.153)	-
TỔNG CỘNG	61.262.589	20.479.541	(78.082.507)	3.659.623

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	383.223.801	110.133.511
Chi phí phát hành trái phiếu	21.414.660	21.414.660
Chi phí hoạt động	5.579.859	4.732.191
Khác	142.895.860	9.525.579
	<u>553.114.180</u>	<u>145.805.941</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.374.149.901	948.576.222
TỔNG CỘNG	1.927.264.081	1.094.382.163
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<i>25.861.970</i>	<i>15.424.254</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>1.901.402.111</i>	<i>1.078.957.909</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn không lãi từ các công ty khác	900.523.794	489.940.305
Phải trả hộ tiền thuê đất	4.070.503	82.428.607
Phải trả về thu hộ	68.755.647	193.948.611
Phí bảo trì căn hộ	9.573.496	11.736.624
Phải trả các cá nhân khác	4.755.139	12.273.984
Phải trả cổ tức	366.416	366.416
Phải trả về hợp tác kinh doanh	-	1.132.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.676.835	4.815.737
	<u>1.002.721.830</u>	<u>1.928.010.284</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	899.390.923	1.719.241.504
<i>Phải trả các bên khác</i>	103.330.907	208.768.780
Dài hạn		
Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)	285.000.000	-
Phải trả do thu chi trả hộ	220.075.796	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.000.000	-
	<u>570.075.796</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 28.2)</i>	<u>570.075.796</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.572.797.626</u>	<u>1.928.010.284</u>

(*) Thể hiện phần vốn góp nhận được cho các HĐHTKD được ký kết ngày 29 tháng 9 năm 2018 với các cá nhân về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	25.000.000	774.410.226	(23.647.109)	775.763.117
Trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 20.2)	314.381.873	429.095.758	(314.381.873)	429.095.758
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 20.3)	-	774.735.570	(161.740.570)	612.995.000
	<u>339.381.873</u>	<u>1.978.241.554</u>	<u>(499.769.552)</u>	<u>1.817.853.875</u>
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường (TM số 20.2)	8.935.477.868	9.759.739	(429.144.330)	8.516.093.277
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.1)	849.974.506	-	(772.974.506)	77.000.000
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 20.3)	596.322.486	152.729.600	(450.231.350)	298.820.736
	<u>10.381.774.860</u>	<u>162.489.339</u>	<u>(1.652.350.186)</u>	<u>8.891.914.013</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.721.156.733</u>	<u>2.140.730.893</u>	<u>(2.152.119.738)</u>	<u>10.709.767.888</u>

20.1 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	553.056.660	575.268.050
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	299.706.457	299.706.456
TỔNG CỘNG	<u>852.763.117</u>	<u>874.974.506</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	775.763.117	25.000.000
Vay dài hạn	77.000.000	849.974.506

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
	Ngân VND	Ngân VND	Ngân VND	USD			
BIDV - Chi nhánh Gia Lai	553.056.660	449.725.354	5.522.001		Từ ngày 18 tháng 2 năm 2019 đến ngày 20 tháng 10 năm 2020	VND: 11,60; USD: 8,24 - 8,84	7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của DHA; 3.310.000 cổ phiếu HING thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Khu liên hợp học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai; Công trình Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL.
Trong đó:							
Vay dài hạn đến hạn trả	553.056.660						
HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	299.706.457	299.706.457			Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	10,50 -11,00	196.368.900 cổ phiếu HAN do Công ty sở hữu.
Trong đó:							
Vay dài hạn đến hạn trả	222.706.457						
Vay dài hạn	77.000.000						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	516.649.915
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	180.000.000	240.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	145.268.041	183.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	594.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(71.079.006)	(80.790.174)
TỔNG CỘNG	8.945.189.035	9.249.859.741
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	8.516.093.277	8.935.477.868
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	429.095.758	314.381.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	<u>5.876.000.000</u>	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm có nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2018: 9,70)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD;
<p>Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên;</p> <p>Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;</p> <p>44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.</p>						

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	180.000.000	Năm thứ nhất 10,00, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2018: 10,90)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ.
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2018: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty.

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn 300.000.000

Trái phiếu ngắn hạn 60.000.000

Trái phiếu dài hạn 120.000.000

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, hệ số thanh toán hiện hành của Tập đoàn đang nhỏ hơn một (1), vì phạm quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đông Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50 (2018: 11,30)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		930.000.000				
VPBS	VPB	991.000.000	Bảng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,50 và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25 (2018: 11,20)	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGI (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Pênh với quy mô 737,6 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		191.000.000				
Trái phiếu dài hạn		800.000.000				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	<u>145.268.041</u>	Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại Ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 4,00 (2018: 11,30)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		64.095.758				
Trái phiếu dài hạn		<u>81.172.283</u>				
FPTS và VPB	VPB	<u>594.000.000</u>	Bảng lãi suất tiền gửi bằng VND đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB - Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định lãi suất cộng với biên độ là 4,00 (2018: 11,20)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam cho Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phục Hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của DHA; 166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia.
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		114.000.000				
Trái phiếu dài hạn		<u>480.000.000</u>				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Vay từ bên liên quan

Chi tiết vay ngắn hạn và dài hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Ông Đoàn Nguyên Đức	612.995.000	6,00 - 10,50	Ngày 10 tháng 12 năm 2019	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	169.111.136	5,00 - 10,00	Từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 đến ngày 8 tháng 11 năm 2023	Thanh toán trái phiếu Bắc Á và bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Ông Đoàn Nguyên Đức	129.709.600	6,00 - 10,00	Ngày 10 tháng 10 năm 2021	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	298.820.736				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ sau thuế)	Tổng cộng	Ngàn VND
Năm trước							
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695	
Vốn tăng trong năm	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	1.099.780.000	
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(475.051.993)	(475.051.993)	
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785	12.904.264.702	
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785	12.904.264.702	
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(108.070.025)	(108.070.025)	
Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	(927.000)	(927.000)	
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)	12.795.267.677	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu thuần	150.747.273	223.540.379
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	52.034.845	100.666.338
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	44.875.334	29.246.483
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	31.169.750	5.173.688
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	22.667.344	88.453.870
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	56.742.195	112.791.963
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	94.005.078	110.748.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cho vay	1.127.540.551	1.106.613.010
Cổ tức được chia	242.081.177	120.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.195.720	1.382.834
Lãi tiền gửi ngân hàng	423.461	2.750.690
Thu nhập từ hoán đổi trái phiếu	-	14.418.900
Khác	-	186.450
TỔNG CỘNG	1.393.240.909	1.125.471.884
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>1.366.498.759</i>	<i>1.090.559.527</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>19.482.226</i>	<i>34.912.357</i>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	49.172.547	94.096.239
Giá vốn dịch vụ cung cấp	37.283.259	27.184.095
Giá vốn căn hộ đã bán	10.843.600	3.946.480
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	25.465.893	65.978.859
TỔNG CỘNG	122.765.299	191.205.673

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	1.077.816.296	1.010.887.348
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con	218.528.242	510.483.865
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.602.926	3.697.752
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	1.408.421
Các khoản khác	4.090.908	2.878.235
TỔNG CỘNG	1.329.038.372	1.529.355.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.120.034	2.168.933
Chi phí lương nhân viên	220.335	987.532
Chi phí bán hàng khác	1.217.024	1.538.892
	<u>5.557.393</u>	<u>4.695.357</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	42.946.600	46.307.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.961.586	13.226.974
Chi phí khấu hao	7.900.652	8.845.527
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.849.962	637.592
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	141.720.670	19.785.803
	<u>213.379.470</u>	<u>88.802.931</u>
TỔNG CỘNG	<u>218.936.863</u>	<u>93.498.288</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	25.692.529	2.826.081
Lãi thanh lý tài sản	20.337.469	107.922
Các khoản khác	5.355.060	2.718.159
Chi phí khác	9.999.364	7.651.933
Các khoản phạt	4.436.193	6.154.024
Khấu hao các tài sản ngưng sử dụng	-	959.234
Các khoản khác	5.563.171	538.675
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>15.693.165</u>	<u>(4.825.852)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.066.942	912.141
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(7.056.104)	4.266.681
TỔNG CỘNG	(2.989.162)	5.178.822

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(111.059.187)	(469.873.171)
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng	(22.211.837)	(93.974.634)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Chi phí không được khấu trừ	27.994.875	253.414
Thuế TNDN từ chuyển nhượng căn hộ	4.066.942	912.141
Các khoản phạt	-	3.031.544
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.266.681
Thu nhập cổ tức	(48.416.235)	(24.000)
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	35.577.093	90.713.676
Chi phí thuế TNDN	(2.989.162)	5.178.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.269.183	-	1.269.183	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(809.401)	(8.192.352)	7.382.951	(4.266.681)
Dự phòng hàng tồn kho	-	1.596.030	(1.596.030)	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (phải trả) thuần	459.782	(6.596.322)	7.056.104	(4.266.681)
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			7.056.104	(4.266.681)

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 652.787.250 ngàn VND (2017: 474.901.783 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ
2017	2022	474.901.783	-	-	474.901.783	
2018	2023	177.885.467	-	-	177.885.467	
TỔNG CỘNG		652.787.250	-	-	652.787.250	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Giao dịch trong năm

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay	2.256.438.360	-
		Nhận hoàn trả gốc vay	729.091.049	-
		Lãi cho vay	70.281.827	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	105.217.774	144.322.646
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	617.546
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	1.418.266	12.951.112
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.003.908	13.824.953
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	84.479.616	108.699.443
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.940.276	29.558.962
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	40.460.334	3.447.987
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	26.005.829	27.418.296
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.390.403	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	13.828.487	71.783.998
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.320.816	12.146.031
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định	34.922.295	-
		Bán hàng	6.024.326	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	122.891.707	188.735.979
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	55.422.345	14.853.050
		Mua hàng hóa	7.165.382	15.165.844
		Cho vay	1.559.796.279	75.996.000
		Nhận hoàn trả gốc vay	1.102.378.077	2.667.869.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.803.788	23.673.524
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	429.075.118	240.767.558
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi đi vay	6.391.122	28.909.696
		Lãi cho vay	2.967.516	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	19.946.349	14.109.705
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thanh lý tài sản cố định	26.033.893	-
		Lãi cho vay	19.265.094	12.428.087
		Cho vay bằng tiền	100.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.269.167	16.661.083
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	27.069.912
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.429.167	10.116.917
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	4.764.824	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	586.999	23.325.639
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	242.001.200	-
		Lãi đi vay	8.561.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Lãi cho vay	131.396.952	118.172.422
		Cho vay bằng tiền	189.902.902	-
		Nhận hoàn trả gốc vay bằng tiền	1.621.741.470	137.409.842
		Thanh toán lãi cho vay bằng tiền	148.102.850	3.110.607
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	33.387.832
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	11.893.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Nhóm An Phú (*)	Bên liên quan	(*)	62.613.584	61.457.875
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty con	Bán tài sản cố định, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.078.201	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.026.522	14.829.198
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.086.336	-
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng Cung cấp dịch vụ	2.930.603 1.010.461	2.930.603 1.010.461
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.815.536	1.194.518
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.311.412	12.350.729
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.393.695 -	13.502.517 16.399.585
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.300.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ xây dựng	320.818	2.617.317
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	127.346	1.418.474
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	4.554	5.888.019
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	-	14.523.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5) (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	-	9.999.240
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	8.781.328
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	676.543
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.630.771	1.712.645
TỔNG CỘNG			138.649.839	169.292.304

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Giao dịch	Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
	Bán hàng hóa	2.180.959	2.180.959
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.346.782	539.695
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Cung cấp dịch vụ	988.185	7.554.790
	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	18.084.773
TỔNG CỘNG		62.613.584	61.457.875

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)

Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	49.703.805	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa	-	695.883
TỔNG CỘNG			49.703.805	695.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	489.039.660	412.622.883
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	6,00 - 6,50	983.468.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	9,00 - 11,00	82.203.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0,00	56.653.075	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	12,50	49.900.701	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	0,00	5.815.216	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	-	-	935.057.000
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	-	-	676.200.000
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	-	-	516.700.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	-	-	478.500.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	-	236.191.679
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	-	33.990.410
TỔNG CỘNG			1.667.079.652	3.289.261.972

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND				
Nhóm An Phú	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	0,00 - 12,00	313.312.864	185.994.550	
Công ty TNHH An Tiến	10,00	93.000.000	93.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	82.726.796	-	
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình		-	72.000.000	
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh		-	61.628.333	
TỔNG CỘNG			489.039.660	412.622.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)					
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	6.095.915.458	3.599.259.475	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	14,10	2.314.922.876	1.957.824.733	
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	10,00	514.788.889	34.007.539	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75 - 12,50	849.513.068	1.408.413.314	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	10,50	259.169.936	-	
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Công ty con	0,00	53.092.286	53.092.286	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0,00	22.895.432	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	10,00	5.590.000	-	
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	0,00	6.123.820	6.123.820	
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	12,00	500.000	500.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	-	-	1.514.041.568	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	-	-	1.367.079.207	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	-	-	58.001.920	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	-	-	31.376.192
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	-	-	30.560.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	-	-	10.578.565
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	-	-	7.526.320
TỔNG CỘNG			10.122.511.765	10.078.384.939

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND				
Nhóm An Phú	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	0,00 - 12,00	3.884.249.304	3.038.928.590	
Công ty Cổ phần Lê Me	14,00	1.527.347.312	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	10,00	196.731.113	196.731.112	
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	10,00	155.872.977	155.872.977	
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	10,00	147.000.000	75.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	10,00	100.000.000	82.726.796	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	10,00	50.000.000	50.000.000	
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	13,00	34.714.752	-	
TỔNG CỘNG		6.095.915.458	3.599.259.475	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)					
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	227.225.509	392.803.024	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	390.908.138 4.764.824	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	242.001.200	-	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	99.469.183 845.021	74.324.611	-
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	39.770.165	32.645.815	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	35.863.667	-	
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con	Chi trả hộ	3.722.605	-	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	5.893.816 -	401.296.987 5.960.659	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	5.408.925 22.020.585	330.772.628 12.682.058	
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện	Công ty liên quan	Chi trả hộ	1.177.000	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Lãi cho vay	891.591	2.783.333	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Chi trả hộ Lãi vay	10.768 -	- 33.288.966	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	16.351.985	
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	-	4.178.897	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Chi trả hộ	-	126.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	-	2.310.128
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	130.793.500
		Khác	-	42.400
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Công ty con	Chi trả hộ	-	2.723.569
Ông Phan Thanh Thủ	Bên liên quan	Tạm ứng	1.600.000	1.600.000
Các bên khác	Bên liên quan	Các khoản khác	479.201	482.204
TỔNG CỘNG			1.082.052.198	1.445.166.764

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Giao dịch	Ngân VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	157.007.722	157.007.722
	Chi trả hộ	2.619.183	2.619.183
Công ty TNHH An Tiến	Lãi cho vay	31.235.470	21.806.304
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	19.847.708	156.386.695
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Chi trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	1.682.112	2.556.565
	Chi trả hộ	2.192.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	17.255	17.255
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	-	21.557.241
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	-	18.228.000
TỔNG CỘNG		227.225.509	392.803.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)					
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	328.991.673	193.067.949	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	91.531.259 56.912.526	150.047.977 168.410.716	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	69.354.893	-	
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay Phải thu về HĐHTKD	39.610.145 -	3.557.774 514.788.889	
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	5.807.788	-	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	1.228.229	-	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	110.437.457	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	119.884.238	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	2.125.068	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	4.419.862	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.238.953	
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.117.837	508.332	
TỔNG CỘNG			594.554.350	1.268.487.215	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
			Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	146.857.511	119.081.682	
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	43.040.917	9.543.750	
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	32.468.560	12.522.211	
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	29.098.785	-	
Công ty TNHH MTV Đại Lộ Hưng Thịnh	Lãi cho vay	26.861.748	-	
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	26.168.409	10.364.621	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Lãi cho vay	17.975.000	12.905.556	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	6.520.743	28.650.129	
TỔNG CỘNG		328.991.673	193.067.949	

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)					
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	136.748	2.150.768	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	88.900	624.575	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	-	1.046.163	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.802	15.558.037	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	-	9.186.986	
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	-	9.328.145	
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	248.608	335.940	
TỔNG CỘNG			476.058	38.230.614	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.021.804	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	-	194.864.544
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	47.256.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	26.717.254
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	60.081.345
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	-	57.253.289
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	31.518.811
Các công ty khác	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	1.084.146	1.044.867
TỔNG CỘNG			2.105.950	423.568.992
Chi phí phải trả (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	10.909.847	4.037.797
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	8.561.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi vay	6.391.123	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	-	11.386.457
TỔNG CỘNG			25.861.970	15.424.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Hưng Thăng Lợi Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm Thu hộ	369.668.231 -	366.218.461 489.770
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750	22.769.750
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Vay mượn tạm	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ Vay mượn tạm	1.393.535 11.860.372	1.393.534 16.720.884
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	13.396.900	13.396.900
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Thu hộ	13.851.144	-
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty con	Thu hộ	7.847.890	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	6.450.000	6.450.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	6.051.722	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Thu hộ	3.823.162	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700	3.323.700
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	3.102.699	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Công ty con	Thu hộ	2.402.765	2.402.765
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Thu hộ	1.852.787	1.852.787
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Phải trả lãi vay	-	1.204.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19) (tiếp theo)					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	6.051.722	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	-	3.808.366	
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ		3.148.836	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Thu hộ	-	11.786.059	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	121.278.142	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	-	2.105.085	
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	-	1.700.000	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải trả HĐHTKD	-	240.000.000	
Bà Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	150.000.000	
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	140.000.000	
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	137.000.000	
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	135.000.000	
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	115.000.000	
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	110.000.000	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả HĐHTKD	-	55.500.000	
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Phải trả HĐHTKD	-	50.000.000	
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	11.596.266	640.632	
TỔNG CỘNG			899.390.923	1.719.241.504	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (TM số 19)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Hợp tác kinh doanh	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	198.388.722	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Hợp tác kinh doanh	105.000.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	65.000.000	-
		Chi trả hộ	11.961.300	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên kết	Chi trả hộ	7.666.626	-
Các bên khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	2.059.148	-
TỔNG CỘNG			570.075.796	-

28.3 Nợ phải thu nhóm An Phú

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm An Phú (trích từ TM số 28.2) như sau:

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn	6.095.915.458	3.599.259.475
Phải thu về cho vay ngắn hạn	489.039.660	412.622.883
Phải thu dài hạn khác	328.991.673	193.067.949
Phải thu ngắn hạn khác	227.225.509	392.803.024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	62.613.584	61.457.875
TỔNG CỘNG	7.203.785.884	4.659.211.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Nợ phải thu nhóm An Phú (tiếp theo)

Theo đối tượng phát sinh công nợ:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4.365.255.572	3.526.031.080
Công ty Cổ phần Lê Me	1.556.446.096	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	341.668.291	325.864.504
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	229.216.928	209.270.579
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	219.817.820	204.548.653
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	219.468.434	114.473.185
Công ty TNHH An Tiến	124.235.470	114.806.304
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	67.975.000	62.905.556
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	61.576.500	83.185.574
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	5.501.712
TỔNG CỘNG	<u>7.203.785.884</u>	<u>4.659.211.206</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, khoản phải thu của Công ty đối với nhóm An Phú như trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

28.4 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc</i>		
Lương	10.966.200	7.542.083
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương	1.008.000	1.278.683
<i>Ban thư ký</i>		
Lương	401.333	130.480
TỔNG CỘNG	<u>12.375.533</u>	<u>8.951.246</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên thuê

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	36.936.506	38.238.328
TỔNG CỘNG	43.445.616	44.747.438

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.223.795	1.586.264
Từ 1 đến 5 năm	92.727	3.305.700
TỔNG CỘNG	1.316.522	4.891.964

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào các HĐHTKD liên quan đến các dự án chăn nuôi bò, trồng chăm sóc cây cao su và lĩnh vực điện như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Ngàn VND Giá trị cam kết còn lại</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	650.000.000	468.970.000	181.030.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	49.500.000	-	49.500.000
TỔNG CỘNG	699.500.000	468.970.000	230.530.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang là bị đơn trong vụ kiện tranh chấp Hợp đồng góp vốn được ký kết ngày 19 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT ("FPT Capital"), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hay HAG Rubber), ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và Công ty mà FPT Capital đang khởi kiện yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ 2.242.500 cổ phần của HAG Rubber mà FPT Capital nắm giữ với giá trị yêu cầu là 141.353.823 ngàn VND. Theo các nội dung trong các Hợp đồng góp vốn có yêu cầu, trong mọi trường hợp và vào bất kỳ thời điểm nào sau 6 tháng kể từ ngày HAG Rubber thực hiện niêm yết (ngày 10 tháng 7 năm 2015), Công ty có nghĩa vụ mua lại toàn bộ số cổ phần HAG Rubber mà FPT Capital nắm giữ trong trường hợp Ông Đoàn Nguyên Đức không thực hiện cam kết này.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc tại ngày báo cáo tài chính tổng hợp này, các điều khoản của các hợp đồng và cam kết thanh toán nêu trên có các nội dung vi phạm pháp luật dẫn đến vô hiệu hợp đồng cam kết. Vào ngày 19 tháng 10 năm 2018, Công ty đã gửi đơn phản tố để yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai tuyên vô hiệu Hợp đồng. Ngoài ra, tại ngày báo cáo này, Ông Đoàn Nguyên Đức cũng đã cam kết có đủ khả năng thực hiện các nội dung trong hợp đồng tùy vào phán quyết của Tòa án mà không yêu cầu Công ty phát sinh thêm nghĩa vụ nào khác liên quan đến hợp đồng cam kết này.

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019